

# Bản tin thị trường

06.09.2022

*Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks*

## Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường  
Cổ phiếu quan tâm  
Danh mục đầu tư

## Tin Doanh Nghiệp

PGV, FMC

## Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng  
Lịch chia cổ tức



## Chỉ số Vnindex tiếp tục giằng co

Thị trường hôm nay chớm xanh nhẹ đầu phiên nhưng sau đó yếu dần và bên bán tỏ ra thắng thế hơn và đè chỉ số về lại mốc tham chiếu 1277. Thanh khoản trong ngày lại khá tốt, đạt trên 13 ngàn tỷ trên sàn HOSE nhờ giao dịch tăng mạnh ở nhóm POW, HPG, GEX, HSG. Cổ phiếu thép tăng khá đầu phiên nhưng sau đó cũng bị ép mạnh và cuối phiên hầu hết cổ phiếu thép đều mất điểm.

Nhóm ngân hàng ghi nhận tương đối tích cực nhờ thông tin sắp nói room. BID, HDB, CTG xanh nhẹ 1% trong khi mấy bank khác cũng trên tham chiếu như TCB, VCB, VIB, OCB. Cổ phiếu chứng khoán vẫn phân hóa và chỉ có vài cổ phiếu có thể lướt sóng ngắn được như VCI, CTS.

Dù tình hình vĩ mô trong nước vẫn tương đối ổn định nhưng bối cảnh chung chính trị và cả kinh tế quốc tế vẫn đang căng thẳng khi lạm phát gia tăng tại Châu Âu do thiếu nguồn cung năng lượng quan trọng. Thị trường có thể rung lắc mạnh bất cứ lúc nào nếu có thông tin xấu ảnh hưởng trong ngắn hạn. Nhà đầu tư vẫn nên duy trì sự thận trọng nhất định và hạn chế tỷ lệ margin trong giai đoạn hiện tại.

# Tin Doanh Nghiệp

## EVNGENCO3 (PGV): Lợi nhuận hợp nhất sau soát xét tăng 157 tỷ đồng nhờ công ty liên kết



Theo báo cáo tài chính soát xét bán niên, Tổng công ty Phát điện 3 (EVNGENCO3 – mã PGV) báo lãi hợp nhất 1.421 tỷ đồng, tăng 157 tỷ đồng tương đương mức tăng 12,4 % so với lợi nhuận hợp nhất đã công bố trên báo cáo tài chính tự lập. Nguyên nhân chủ yếu do tăng phần lãi trong công ty liên kết.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính quý II, EVNGENCO3 chưa có báo cáo tài chính quý II/2022 của các công ty liên kết.

Quy mô tài sản hợp nhất của EVNGENCO3 cũng tăng nhờ bổ sung thêm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, đạt 73.129 tỷ đồng vào cuối quý II. Giá trị đầu tư vào các công ty liên kết đã tăng đáng kể do được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của các công ty này. EVNGENCO3 có ba công ty liên kết gồm Vĩnh Sơn – Sông Hinh (VSH), Thủy điện Thác Bà (TBC) và công ty Đầu tư và Phát triển Điện Sesan 3A với tổng giá trị đầu tư hơn 1.850 tỷ đồng. Ba công ty trên đều sở hữu các nhà máy thủy điện, ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ trong các quý gần đây nhờ tình hình thủy văn thuận lợi.

Về cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả hiện chiếm xấp xỉ 74,5% trong cơ cấu nguồn vốn. Trong đó, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn đến cuối quý II còn 42.558 tỷ đồng, giảm gần 2.100 tỷ đồng (xấp xỉ 5%) so với thời điểm đầu năm. Đây là các khoản vay chủ yếu bằng ngoại tệ bằng đồng đôla (USD) và yên Nhật (JPY).

Trên báo cáo tài chính riêng, lợi nhuận sau thuế công ty mẹ EVNGENCO3 không thay đổi so với báo cáo tự lập trước đó. Năm 2022, Tổng công ty đặt kế hoạch doanh thu 45.417 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1.827 tỷ đồng. Sau 6 tháng đầu năm, Công ty mẹ Tổng Công ty đã lần lượt thực hiện được gần 50% chỉ tiêu doanh thu và 68% chỉ tiêu lợi nhuận.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu thuần của công ty mẹ EVNGENCO3 đạt 22.224 tỷ đồng, tăng 19,43% so với cùng kỳ năm trước. Sau khi trừ đi giá vốn, Tổng công ty đạt lợi nhuận gộp 2.511 tỷ đồng, tăng trưởng 22,2%. Biên lợi nhuận gộp tăng lên 11,3% trong nửa đầu năm 2022.

## Doanh số tiêu thụ tháng 8 của Sao Ta gấp đôi cùng kỳ

CTCP Thực phẩm Sao Ta (Mã: FMC) vừa công bố doanh số tiêu thụ chung trong 8 tháng đầu năm đạt 161,9 triệu USD (khoảng 3.805 tỷ đồng), tăng gần 22% so cùng kỳ năm ngoái và tương ứng 70,4% kế hoạch cả năm.

Như vậy tính riêng trong tháng 8, doanh số tiêu thụ của Sao Ta đạt 21,9 triệu USD và gần gấp đôi tháng 8 năm ngoái. Kết quả của tháng 8 cũng là thành quả cao thứ ba từ đầu năm đến nay của doanh nghiệp này, xếp sau tháng 1 và tháng 5.

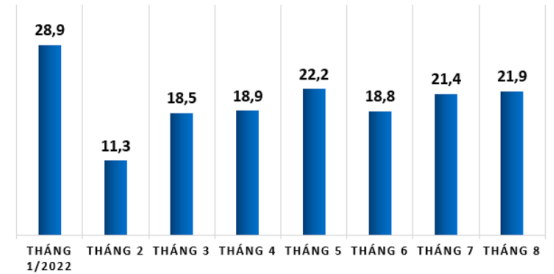
Trong 8 tháng đầu năm, sản lượng tôm thành phẩm chế biến của Sao Ta đạt 14.563 tấn, tăng 5,4% so cùng kỳ năm 2021. Còn tôm thành phẩm tiêu thụ 13.253 tấn, tăng 13,4%.

Riêng kết quả tháng 8 tăng trưởng hơn so với cùng kỳ là do hoạt động thả tôm nuôi vụ hai đã hoàn tất, khoảng 380 ao. Hiện nay giá tôm thương phẩm khá cao vì sức cung vừa phải. Theo Sao Ta, tình hình này sẽ hỗ trợ làm giảm chi phí giá thành sản phẩm tôm tiêu thụ, hiệu quả hoạt động quý IV sẽ tốt lên.

Kết quả của Sao Ta đặt trong bối cảnh ngành thủy sản tăng trưởng nhiều so với cùng kỳ, song ngành tôm thì không quá khả quan.

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP) cho biết, xuất khẩu thủy sản trong tháng 8 cao hơn 54% so với cùng kỳ năm ngoái. Mức tăng trưởng này không thể hiện xu hướng lạc quan do tháng 8 năm ngoái là tháng đỉnh dịch COVID-19 tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, khiến sản xuất bị gián đoạn, xuất khẩu rơi xuống mức thấp nhất năm.

DOANH SỐ TIÊU THỤ CỦA SAO TA TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NAY (TRIỆU USD)





## Danh mục nắm giữ ngắn hạn (1 tuần – 1 tháng)

Ticker	Close	%	Hỗ trợ	Kháng Cự	Note	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
VND	21.4	-	20	28	Nắm giữ	8/12/2022	-2.7%
DGW	74.0	2.4	50	80	Nắm giữ	8/2/2022	23.3%
FRT	90.8	(1.1)	70	100	Nắm giữ	8/8/2022	16.4%
HCM	26.3	(0.6)	22	35	Nắm giữ	8/10/2022	-2.6%
VIX	13.1	(2.6)	11	18	Mua lại quanh 13	8/12/2022	-1.1%
MWG	72.9	0.6	60	80	Mua quanh 63-65	8/15/2022	15.7%
VCI	37.7	0.7	35	45	Mua quanh 36 - 37	8/23/2022	3.2%
MBS	19.3	0.5	19	26	Mua quanh 20	8/23/2022	-2.5%
GEX	25.0	2.7	22	30	Mua quanh 24	8/25/2022	0.0%
DPM	53.0	(3.6)	45	60	Mua quanh 50-51	8/25/2022	6.0%
DCM	36.6	(4.6)	30	42	Mua quanh 35	8/25/2022	4.6%
GMD	50.8	(0.6)	45	65	Mua quanh 52	8/25/2022	-2.3%
BID	40.1	1.4	38	45	Mua quanh 38 - 39	8/30/2022	2.2%
BVS	23.0	1.3	22	32	Bán - cắt lỗ	8/23/2022	-4.2%

Nhà đầu tư canh các nhịp hồi bán chốt lời dần và có thể mua lại dần ở các nhịp điều chỉnh. Các dòng cổ phiếu bán lẻ có thể chốt lời dần ngắn hạn. Nhóm chứng khoán có thể tích lũy ở các nhịp điều chỉnh mạnh. Lưu ý nhóm ngân hàng trong các phiên tới như BID, MBB, VPB.



## Tổng hợp kết quả kinh doanh 6T.2022

Ngành	SỐDN	DT6T.2022	DT6T.2021	%	LN6T.2022	LN6T.2021	%
Ngân hàng	27	203,760	173,141	17.7%	104,667	78,436	33.4%
Dầu khí	23	395,240	232,972	69.7%	22,242	10,863	104.8%
Bất động sản	81	93,342	157,857	-40.9%	18,575	28,731	-35.3%
Sản xuất và KD Thép	26	199,122	165,060	20.6%	14,525	22,369	-35.1%
Thực phẩm và đồ uống	71	156,961	157,122	-0.1%	15,677	13,917	12.6%
Vận tải - Logistics	73	63,186	54,944	15.0%	9,918	5,560	78.4%
Điện	43	78,672	69,172	13.7%	10,206	5,519	84.9%
Phân bón	13	38,528	24,395	57.9%	7,931	1,234	542.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	72	54,699	47,203	15.9%	6,077	6,676	-9.0%
Dịch vụ tài chính	40	26,338	22,619	16.4%	5,530	7,996	-30.8%
Bất động sản KCN	22	31,682	28,932	9.5%	9,234	5,289	74.6%
Xây dựng	110	84,077	84,526	-0.5%	6,318	4,347	45.3%
Hóa chất	27	46,366	32,271	43.7%	4,288	1,745	145.7%
Bán lẻ	21	124,887	105,304	18.6%	3,248	3,416	-4.9%
Thủy sản	24	33,252	25,119	32.4%	3,151	1,039	203.4%
Công nghệ Thông tin	18	24,833	20,617	20.4%	2,928	2,010	45.7%
Vật liệu xây dựng	42	36,968	28,449	29.9%	3,561	2,675	33.1%
Bảo hiểm	11	33,779	29,871	13.1%	2,156	2,421	-10.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	34,335	25,932	32.4%	2,598	1,798	44.4%
Dệt May	21	36,228	28,330	27.9%	1,945	1,465	32.8%
Nước	48	11,509	11,054	4.1%	1,616	1,608	0.5%
Y tế	36	21,471	24,311	-11.7%	1,550	1,425	8.8%
Viễn thông	5	19,409	16,921	14.7%	3,261	862	278.1%
Du lịch và Giải trí	32	56,344	29,703	89.7%	(4,241)	(8,679)	
Khoáng sản	33	49,095	31,309	56.8%	1,154	947	21.8%
Tài nguyên Cơ bản	20	17,021	15,813	7.6%	760	1,123	-32.3%
Cao su	13	2,599	2,335	11.3%	502	412	21.8%
Truyền thông	30	6,382	4,862	31.3%	486	250	94.1%
Ô tô và phụ tùng	11	23,561	19,738	19.4%	699	548	27.6%
Bao bì	17	18,682	13,248	41.0%	301	248	21.4%
Xây dựng và Vật liệu	58	13,485	15,235	-11.5%	204	(65)	
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	6,691	3,808	75.7%	73	71	3.5%
<b>Tổng</b>	<b>1,100</b>	<b>2,042,500</b>	<b>1,702,175</b>	<b>20.0%</b>	<b>261,139</b>	<b>206,255</b>	<b>26.6%</b>



## Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



## Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	25.0	5,995,200	5.8	1.6	-	-	4,306	15,416
BID	HOSE	39.2	2,040,300	13.6	2.1	54,200	445,300	2,883	18,580
CTG	HOSE	29.1	5,961,800	9.4	1.4	473,600	542,700	3,099	21,387
EIB	HOSE	30.6	400,100	18.4	2.0	-	80,000	1,659	15,513
HDB	HOSE	24.9	1,779,000	6.9	1.4	1,264,300	350,500	3,591	17,576
LPB	HOSE	16.0	6,317,800	4.7	1.2	200	500	3,398	13,136
MBB	HOSE	26.8	9,550,900	6.3	1.4	500	-	4,221	18,767
MSB	HOSE	18.8	3,089,500	6.3	1.2	9,000	-	2,960	16,090
OCB	HOSE	18.1	2,454,900	6.6	1.1	-	35,300	2,754	16,897
SHB	HOSE	15.2	14,782,600	4.9	1.0	400	297,900	3,062	14,879
SSB	HOSE	31.5	1,439,300	12.7	2.6	-	-	2,472	11,892
STB	HOSE	25.5	13,785,600	13.4	1.3	228,400	1,100,300	1,905	18,989
TCB	HOSE	38.2	4,810,300	6.6	1.3	-	-	5,766	29,757
TPB	HOSE	27.9	2,456,300	6.9	1.5	109,500	201,900	4,024	18,340
VCB	HOSE	78.8	904,300	13.2	3.0	195,100	378,800	5,956	25,988
VIB	HOSE	26.2	1,822,400	5.8	2.0	300	-	4,528	13,403
VPB	HOSE	29.0	12,627,600	6.7	1.3	334,800	334,800	4,346	22,163
BAB	HNX	17.0	7,700	17.0	1.4	-	-	1,002	12,383
NVB	HNX	28.8	45,500	-	3.7	-	-	(188)	7,686
VBB	UPCOM	10.7	18,400	9.2	0.8	-	-	1,163	12,626
VAB	UPCOM	10.2	136,700	6.0	0.8	-	-	1,701	12,691
SGB	UPCOM	13.5	36,500	-	1.1	-	-	502	12,530
PGB	UPCOM	22.0	12,000	20.7	1.5	-	-	1,065	14,590
NAB	UPCOM	14.1	267,000	-	-	-	-	3,247	17,329
KLB	UPCOM	23.3	5,500	22.6	1.8	-	-	1,031	13,236
BVB	UPCOM	14.1	619,400	19.7	1.0	-	-	715	13,432
ABB	UPCOM	11.7	2,119,300	4.3	0.9	-	-	2,719	13,255
			<b>93,485,900</b>	<b>10.32</b>	<b>1.56</b>	<b>2,670,300</b>	<b>3,768,000</b>	<b>2,737</b>	<b>16,242</b>



## Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	ALT	HNX	20/09/2022	21/09/2022	26/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	TRC	HOSE	19/09/2022	20/09/2022	27/10/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	DIH	HNX	19/09/2022	20/09/2022	20/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	FCM	HOSE	19/09/2022	20/09/2022	18/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	XLV	UPCoM	15/09/2022	16/09/2022	5/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	CMV	HOSE	14/09/2022	15/09/2022	14/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	BIC	HOSE	14/09/2022	15/09/2022	13/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	GMC	HOSE	14/09/2022	15/09/2022	29/09/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SZL	HOSE	12/9/2022	13/09/2022	30/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	SZL	HOSE	12/9/2022	13/09/2022	30/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	X20	HNX	12/9/2022	13/09/2022	26/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	TVH	UPCoM	9/9/2022	12/9/2022	12/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,327 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	NAV	HOSE	7/9/2022	8/9/2022	30/09/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	API	HNX	6/9/2022	7/9/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:120	Thưởng cổ phiếu
15	GH3	UPCoM	5/9/2022	6/9/2022	6/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 417 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	SPV	UPCoM	5/9/2022	6/9/2022	6/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	ADS	HOSE	5/9/2022	6/9/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	CEG	UPCoM	31/08/2022	5/9/2022	26/09/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	PMC	HNX	31/08/2022	5/9/2022	20/09/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	BMC	HOSE	31/08/2022	5/9/2022	20/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	HSV	UPCoM	31/08/2022	5/9/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	TDT	HNX	31/08/2022	5/9/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
23	X26	UPCoM	31/08/2022	5/9/2022	31/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	GE2	UPCoM	30/08/2022	31/08/2022	3/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	TNB	UPCoM	30/08/2022	31/08/2022	23/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 650 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	TNB	UPCoM	30/08/2022	31/08/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 50:13	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
27	SZC	HOSE	30/08/2022	31/08/2022	28/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	VTK	UPCoM	30/08/2022	31/08/2022	15/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh  
khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

*Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.*

*Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.*

*Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.*

**VI**Securities  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### **Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)**

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### **Chi nhánh TP Hồ Chí Minh**

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931